

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lam

Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992 "vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1993 "vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

Cùng địa chỉ: tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc L tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau

khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống tại tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị Q nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Ngọc L .

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Ngọc L trình bày: Anh xác nhận thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, thời điểm anh chị kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải và tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Q . Tuy nhiên theo anh thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là sau 8 năm chung sống, nay chị Q có yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí bởi anh muốn anh chị cùng nhau nuôi dạy các con khôn lớn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Ngọc L đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, các cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014. Nếu ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với đại diện UBND thị trấn Việt Quang nơi chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Ngọc L sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Ngọc L tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống tại tổ A, thị trấn V, huyện B, tỉnh H. Quá trình chung sống, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Q đã chuyển ra sống ở riêng từ tháng 03/2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau,

việc ai người đẩy làm. Hiện nay chị Q có yêu cầu xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, các cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014; anh chị đều là lao động tự do, có mức thu nhập tương đương nhau, đều không có nhà ở riêng. Về chia tài sản chung, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Ngọc L. Việc nuôi con: Đề nghị giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Phạm Ngọc L, anh Phạm Ngọc L có nơi cư trú tại thị trấn V, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q và bị đơn là anh Phạm Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Q, anh Phạm Ngọc L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Ngọc L xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn

giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, việc ai người ấy làm, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án tiến hành hoà giải nhưng nguyên đơn vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Ngọc L.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 và cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[2.3] *Về chia tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Ngọc L.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/11/2014 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi

cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 29/9/2013 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị Q, anh L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003110, ngày 29/3/2022. Anh Phạm Ngọc L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND thị trấn Việt Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

